

Bản án số: 08/2019/HS-ST

Ngày: 15/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thiện Tố;

Bà Phan Thị Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019 đối với:

Bị cáo Lê Văn N; sinh ngày 08 tháng 8 năm 1970 tại tỉnh N; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V (tên gọi khác: Lê Văn Đ) và bà Nguyễn Thị D; có vợ và 03 con (con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Anh Phạm Đình Đ1 (Sinh năm 1982); địa chỉ: Xóm 6, thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh N1. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Tuyết T (Sinh năm 1997); địa chỉ: Thôn N2, xã T4, huyện Đ2, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:**

Công ty TNHH một thành viên S; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn C2, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Mỹ S - Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật. Có mặt.

** Bị đơn dân sự:*

Công ty cổ phần T; địa chỉ: Khu phố 7, phường 3, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn L – Phó Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019). Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1962); địa chỉ: Thôn N2, xã T4, huyện Đ2, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

- Anh Võ Văn N (Sinh năm 1993); địa chỉ: Thôn CP, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17/5/2018, Lê Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 chạy theo hướng từ thành phố Đ đi huyện Đ2, khi đến Km17+525 Quốc lộ 9 (thuộc địa phận thôn TT, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị), đoạn đường có biển báo nguy hiểm đường vòng cua bên phải, N nhìn thấy phía trước có xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào) do anh Phạm Đình Đ1 (sinh năm 1982), nơi cư trú: thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh N1 điều khiển chạy cùng chiều, N tăng tốc cho xe chạy vượt lên song song phía bên trái thì phát hiện có xe ngược chiều. Thấy vậy, N đánh lái về lại phía bên phải thì xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào), làm cho xe ô tô NU 9393 (Lào) chuyển động xoay sang bên trái thì đâm vào xe mô tô biển kiểm soát 74K9-0210 do chị Nguyễn Thị Tuyết T (sinh năm 1997), nơi cư trú: Thôn N2, xã T4, huyện Đ2, tỉnh Quảng Trị điều khiển (xe mô tô BKS 74K9-0210 của bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1962, trú cùng thôn) và xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào) tiếp tục đâm vào xe ô tô BKS 74C-043.51 do anh Võ Văn N (sinh năm 1993), nơi cư trú: thôn Thôn CP, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị (lái xe cho Công ty TNHH một thành viên Sơn S, trụ sở: Khu phố 4, thị trấn C2, huyện C, do bà Nguyễn Thị Mỹ S làm giám đốc) điều khiển chạy ngược lại gây tai nạn. Hậu quả: Chị T, anh Đ1 bị thương, xe mô tô BKS 74K9-0210, xe ô tô BKS NU 9393 (Lào) và xe ô tô BKS 74C-043.51 bị hư hỏng. Sau khi xảy ra tai nạn, Lê Văn N đã điều khiển xe chạy khỏi hiện trường nhằm trốn tránh trách nhiệm hành vi của mình.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ xe ô tô BKS 74K-3783 và giấy tờ liên quan; xe mô tô BKS

74K9-0210 và giấy tờ liên quan; xe ô tô BKS 74C-043.51 và giấy tờ liên quan; xe ô tô BKS NU 9393 (Lào) và giấy tờ liên quan; tạm giữ 01 giấy phép lái xe hạng C, số 460109001377 mang tên Lê Văn N; 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 451151003912 mang tên Nguyễn Thị Tuyết T; 01 giấy phép lái xe hạng B2, số AY 106078 mang tên Phạm Đình Đ1; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 4601709054 mang tên Võ Văn N và trích xuất thiết bị Camera hành trình thu giữ trên phương tiện xe ô tô BKS NU 9393 (Lào) liên quan đến vụ tai nạn để phục vụ công tác điều tra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 115/TgT ngày 03/07/2018 và số 137/TgT ngày 07/08/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Trị kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Đình Đ1 là 12% và của chị Nguyễn Thị Tuyết T 31%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KLĐGTS ngày 19/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 bị hư hỏng trị giá 161.799.000 đồng, xe mô tô biển kiểm soát 74K9-0210 bị hư hỏng trị giá 12.285.000 đồng và xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51 bị hư hỏng trị giá 43.945.000 đồng.

Tại Bản giám định số 400/KLGD–PC54 ngày 10/6/2018, số 432/KLGD–PC54 ngày 11/7/2018 và số 350/KLGD ngày 01/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Trị kết luận:

Các vết dấu trên xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 hình thành do va chạm với xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393; dấu vết trên xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51 hình thành do va chạm với xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393; dấu vết trên xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51 hình thành do va chạm với xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393; dấu vết trên xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 hình thành do va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783, xe mô tô biển kiểm soát 74K9-0210, xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51.

Thứ tự va chạm giữa các phương tiện trong vụ tai nạn giao thông nói trên là: Đầu tiên xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393, làm cho xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 chuyển động xoay sang trái, tiếp theo xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 74K9-0210 và cuối cùng xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51.

Vị trí va chạm đầu tiên giữa xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 với xe ô tô biển kiểm soát Lào NU 9393 trên hiện trường thuộc phần đường có hướng lưu thông từ thành phố Đ đi huyện Đ2.

Trên thẻ nhớ thiết bị chứa các tập tin có dung lượng 13,3GB có 02 đoạn video liên quan đến vụ tai nạn giao thông dung lượng 480MB.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại các xe ô tô, mô tô và các giấy tờ liên quan trên cho chủ sở hữu. Riêng giấy phép lái xe hạng C, số 460109001377 mang tên Lê Văn N và thẻ nhớ thiết bị chứa các tập tin có dung lượng 13,3GB, có 02 đoạn video liên quan đến vụ tai nạn giao thông dung lượng 480MB đang được tạm giữ theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị can Lê Văn N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Phạm Đình Đ1 số tiền là 179.832.637 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết T số tiền là 87.715.000 đồng, bồi thường thiệt hại về xe mô tô của bà Nguyễn Thị H là 12.285.000 đồng và bồi thường thiệt hại về xe ô tô của Công ty S số tiền 46.245.000 đồng (tổng cộng toàn bộ là 326.077.637 đồng). Anh Đ1, chị T, bà S – Giám đốc Công ty S và bà H đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu gì thêm và có đơn xin bãi nại cho bị can N.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P1 ngày 13/02/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố bị cáo Lê Văn N về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách không quá 05 năm.

Về xử lý vật chứng, đề nghị trả lại cho Lê Văn N giấy phép lái xe hạng C, số 460109001377.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Lê Văn N đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Phạm Đình Đ1 số tiền 179.832.637 đồng, chị Nguyễn Thị Tuyết T số tiền 87.715.000 đồng, bồi thường thiệt hại về xe mô tô của bà Nguyễn Thị H là 12.285.000 đồng và bồi thường thiệt hại về xe ô tô của chị Nguyễn Thị Mỹ S số tiền 46.245.000 đồng. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí với kết luận giám định, kết luận định giá của cơ quan chuyên môn và xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường thiệt hại, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện bị đơn dân sự trình bày giữa Lê Văn N và Công ty T đã tự thỏa thuận vấn đề bồi thường thiệt hại nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa cũng trình bày đã thỏa thuận với bị cáo Lê Văn N vấn đề bồi thường thiệt hại và không yêu cầu Tòa án giải quyết (thể hiện trong hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận hành vi của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 17/5/2018, tại Km 17+525 Quốc lộ 9 thuộc địa phận thôn TT, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị, Lê Văn N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 nhấn ga tăng tốc vượt xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào) ở đoạn đường cong có biển báo nguy hiểm W201b (chỗ ngoặt nguy hiểm vòng bên phải), vượt xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào) đang di chuyển phía trước cùng chiều để xe đè vạch, lấn sang phần đường ngược chiều nơi có vạch kẻ đường liền nét và vượt xe tại đoạn đường có xe ngược chiều, dẫn đến xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 va chạm với xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào), làm cho xe ô tô biển kiểm soát NU 9393 (Lào) xoay sang trái và tiếp tục va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 74K-0210, xe ô tô biển kiểm soát 74C-043.51 gây nên vụ tai nạn giao thông. Hậu quả gây thiệt hại về tài sản của các phương tiện là 218.579.000 đồng, gây tổn hại về sức khỏe của chị Nguyễn Thị Tuyết T 31% và anh Phạm Đình Đ 12%. Hành vi trên của Lê Văn N đã vi phạm khoản 1 Điều 11; khoản 2; điểm a, c khoản 5 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải, thỏa mãn cấu thành cơ bản của tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 14 và điểm a, c khoản 5 Điều 14 của Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Người tham gia giao thông phải chấp hành hiệu lệnh và chỉ dẫn của hệ thống báo hiệu đường bộ;

2. Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, ...;

5. Không được vượt xe khi có một trong các trường hợp sau:

a) Không đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Đường vòng, ...”

Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải quy định:

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

1. Có biển cảnh báo nguy hiểm...”

Sau khi vụ tai nạn giao thông xảy ra, Lê Văn N đã điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 74K-3783 chạy khỏi hiện trường đến Chi nhánh xí nghiệp chế biến đá xây dựng thuộc Công ty cổ phần T ở thôn TL, xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị (cách hiện trường vụ tai nạn giao thông khoảng 12km) để trốn tránh trách nhiệm. Do đó hành vi của Lê Văn N đã phạm tội *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* với tình tiết tăng nặng định khung *“Bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm hoặc cố ý không cứu giúp người bị nạn”* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật và xã hội nhưng khi điều khiển xe ô tô đã không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông trong quá trình tham gia giao thông, dẫn đến việc phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm hại đến trật tự an toàn giao thông, gây tổn hại đến sức khỏe và thiệt hại đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Trong vụ án này, lỗi thuộc về bị cáo, sau khi tai nạn xảy ra bị cáo điều khiển xe bỏ chạy để trốn tránh trách nhiệm. Đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của mình gây ra nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, các bị hại cũng có đơn bãi nại cho bị cáo; cha mẹ của bị cáo được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều danh hiệu: Cha bị cáo là ông Lê Văn V được tặng thưởng Huy chương quyết thắng, Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, Huân chương kháng chiến hạng Nhất; mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị D được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì; do đó bị cáo N được hưởng

thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn N dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Ngoài ra, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi gây ra vụ tai nạn giao thông nói trên, bị cáo Lê Văn N đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về tài sản và tổn hại về sức khỏe cho anh Phạm Đình Đ1, chị Nguyễn Thị Tuyết T, bà Nguyễn Thị H và nguyên đơn dân sự là Công ty TNHH một thành viên S (Chị Nguyễn Thị Mỹ S - Giám đốc Công ty làm đại diện) với tổng số tiền 326.077.637 đồng. Anh Đ1, chị T, Công ty TNHH một thành viên S và bà H đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm. Bị cáo và Công ty T cũng đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại giữa hai bên. Tại phiên tòa hôm nay không ai có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Giấy phép lái xe mang tên Lê Văn N.
- Đối với 01 đĩa CD trong đó có 02 đoạn video liên quan đến vụ tai nạn giao thông: Cần tịch thu kèm hồ sơ vụ án.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn N** phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn N **30 (ba mươi)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **60 (sáu mươi)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn N cho Ủy ban nhân dân xã C1, huyện C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 (một) Giấy phép lái xe hạng C, số 460109001377 cấp ngày 07/12/2018 cho Lê Văn N, nơi cấp: Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị;

- Tịch thu lưu kèm hồ sơ vụ án 01 (một) phong bì thư đã được niêm phong, bên trong có một đĩa CD, mặt trên có ghi “9393” bằng bút lông màu xanh, đựng trong hộp nhựa:

(Các vật chứng trên hiện kèm theo hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử: Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NĐDS, BĐDS;
- NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Luật